

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2019

Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản và đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Môn

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản và đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1998 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Tuấn A, sinh năm 1995 (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh Tuấn A kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Minh. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn không thể hòa hợp được, anh không tôn trọng cha mẹ vợ là không chào hỏi, cha vợ

góp ý anh không lắng nghe đều cãi lại, chị nhiều lần khuyên nhưng anh không chịu thay đổi mà cự cãi với chị, giữa vợ chồng chị thường bất đồng quan điểm sống và sống ly thân từ tháng 12/2017 cho đến nay. Nay xét thấy không chung sống được nữa nên xin ly hôn với anh Tuấn A.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Phạm Đăng K, sinh ngày 04/11/2017, cháu K đang sống với chị T. Nay chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Chị yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung theo biên bản thỏa thuận đề ngày 14/3/2019 là xác định tài sản chung là số tiền 17.000.000đ, số tiền trên do anh Tuấn A đang quản lý. Anh, chị thống nhất chia đôi, anh Tuấn A có trách nhiệm giao cho chị T số tiền 8.500.000đ vào ngày 15/6/2019. Chị đồng ý rút yêu cầu chia tài sản chung với anh Tuấn A.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng không nợ ai.

- *Về đòi tài sản*: Do bà L không còn quản lý số tiền của vợ chồng chị nên chị T không yêu cầu gì đối bà L, chị thống nhất rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi tài sản đối với bà L.

Bị đơn anh Phạm Tuấn A trình bày: Vợ chồng kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, chủ yếu phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc. Anh xác định do chị T không muốn chung sống với anh nên chị cùng con anh về nhà cha mẹ vợ sinh sống hơn 01 năm. Nay chị yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Thống nhất lời trình bày của chị T về con chung, anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Anh thống nhất xác định tài sản chung là số tiền 37.000.000đ gửi mẹ ruột anh là bà L, do vợ anh sinh con nên anh đã chi sài hết 20.000.000đ. Số tiền còn lại 17.000.000đ hiện tại anh đang quản lý. Nay anh đồng ý giao cho T số tiền 8.500.000đ vào ngày 15/6/2019 theo biên bản thỏa thuận tài sản chung ngày 14/3/2019, đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án. Anh thống nhất việc chị T rút yêu cầu chia tài sản chung.

- *Về nợ chung*: Không nợ ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày: Trước đây vợ chồng Tuấn A và T có gửi cho bà số tiền 37.000.000đ nhờ cất giữ dùm. Khi con dâu bà sinh con thì con trai là Tuấn A đã lấy lại số tiền trên và chi sài số tiền 20.000.000đ để chi phí cho vợ sinh con, ăn uống sau sinh. Số tiền còn lại 17.000.000đ hiện do anh Tuấn A đang quản lý. Nay chị T rút yêu cầu khởi kiện đòi

với bà về đòi tài sản thì bà thông nhất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Tuấn A. Về con chung: Giao cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 04/11/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa chị T và anh Tuấn A là anh Tuấn A đồng ý giao cho T số tiền 8.500.000đ vào ngày 15/6/2019 theo biên bản ngày 14/3/2019. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị T. Đình chỉ yêu cầu đòi tài sản của chị T đối với bà L về số tiền 37.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Tuấn A, yêu cầu nuôi con chung, chia tài sản chung và đòi tài sản. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và đòi tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị T và anh Tuấn A xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Minh và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không thể hàn gắn và anh chị đã sống ly thân. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh Tuấn A không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào hàn gắn hạnh phúc gia đình để cho chị T quay trở về chung sống với anh. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Tuấn A.

[3] *Về con chung:* Chị T, anh Tuấn A xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung Phạm Đăng K, sinh ngày 04/11/2017, hiện đang sống với chị T. Nay chị và anh đều yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy

cháu K dưới 36 tháng tuổi, chính quyền địa phương xác nhận chị T có đủ điều kiện nuôi con, cháu K hiện đang sống với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 (*quy định về việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn*) của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu K, giới tính: nam, sinh ngày 04/11/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị T và anh Tuấn A thống nhất xác định tài sản chung là số tiền 17.000.000đ hiện nay anh Tuấn A đang quản lý. Xét thấy tại văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung đề ngày 14/03/2019 chị T và anh Tuấn A thống nhất thỏa thuận là anh Tuấn A có trách nhiệm giao cho chị T số tiền là 8.500.000đ vào ngày 15/6/2019, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản chung trong bản án, quyết định của Tòa án. Do sự thỏa thuận của anh Tuấn A và chị T là hoàn toàn tự nguyện nên được ghi nhận.

Việc chị T tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nên HĐXX đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung này của chị T.

[6] *Về đòi tài sản*: Chị T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi tài sản đối với bà L nên HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này.

[7] *Về nợ chung*: Chị T, anh Tuấn A đều xác định không thiếu nợ ai.

[8] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn chị T chịu toàn bộ.

Yêu cầu khởi kiện đòi tài sản đã được chị T rút yêu cầu nên số tiền tạm ứng án phí sẽ được hoàn trả.

Yêu cầu chia tài sản chung được chị T rút yêu cầu nên số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp sẽ được hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 . Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Phạm Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 04/11/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng (cháu K hiện đang sống với chị T), anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Tuấn A được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của chị Bùi Thị T do chị rút yêu cầu khởi kiện.

Công nhận sự thỏa thuận của anh Phạm Tuấn A và chị Bùi Thị T về chia tài sản đối với các tài sản được nêu tại văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung đề ngày 14/03/2019 (thỏa thuận anh Tuấn A có trách nhiệm giao cho chị T số tiền là 8.500.000đ vào ngày 15/6/2019).

4. Đình chỉ yêu cầu đòi tài sản của chị Bùi Thị T đối với bà Trần Thị L về số tiền yêu cầu là 37.000.000đ.

5. Án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị T chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002205 ngày 07/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Hoàn trả cho chị Bùi Thị T số tiền tạm ứng án phí 462.000đ theo biên lai thu số 0002206, hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí 925.000đ theo biên lai thu số 0002207, hai biên lai trên cùng ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/4/2019)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng